

Số: 02../2026/CTIN/BC

No: 02../2026/CTIN/BC

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026
Hanoi, 29th Jan 2026

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(Năm 2025)
(Year 2025)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

Tên công ty : Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện
Name of Company : Joint Stock Company for Telecoms and Informatics
Địa chỉ trụ sở chính : 158/2 phố Hồng Mai, Phường Bạch Mai, Hà Nội, Việt Nam
Address of headoffice : 158/2 Hong Mai Street, Bach Mai Ward, Hanoi, Vietnam
Điện thoại : 024.38634597
Telephone : 024.38634597
Fax : 024.38632061
Email : info@ctin.vn
Vốn điều lệ : 321.850.000.000 đồng
Charter capital : 321.850.000.000 VND
Mã chứng khoán : ICT
Stock symbol : ICT
Mô hình quản trị công ty : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
Governance model : General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.
Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ : Đã thực hiện.
The implementation of internal audit : Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/2025/NQ- ĐHĐCĐ/CTIN	29/04/2025 <i>Apr 29th, 2025</i>	- Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024; - Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; - Thông qua báo cáo kết quả SXKD, tình hình hoạt động của HĐQT năm 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025; - Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2024; - Thông qua Tỉ lệ chi trả cổ tức năm 2024; - Thông qua việc phân bổ thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024; - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024; - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2025; - Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2025; - Thông qua nguyên tắc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025; - Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2025; - Thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Thế Thịnh – Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2026; - Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2026. - <i>Approval of 2024 business results;</i> - <i>Approval of the 2024 audited financial statements;</i> - <i>Approval of the 2024 business results report, operation situation of the Board of Directors and the</i>

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			2025 business plan; - Approval of the 2024 operational report of the Board of Supervisors (BOS); - Approval of 2024 dividend payment ratio; - Approval of the allocation of remuneration for the BOD and the BOS in 2024; - Approval of profit distribution plan and fund allocation for 2024; - Approval of the 2025 business plan; - Approval of the allocation of remuneration for the BOD and the BOS in 2025; - Approval of reward and welfare funds allocation principles in 2025; - Approval of selecting audit firm to audit the Company's financial statements in 2025; - Approval of the dismissal of Mr. Nguyen The Thinh - Member of the BOD for the term 2022 - 2026; - Approval of the election result for the additional member's election of the BOD for the term 2022 – 2026.
2	02/2025/NQ/ĐH ĐCĐ- CTIN	23/9/2025 23 rd Sep, 2025	- Thông qua giao dịch tham dự thầu và ký hợp đồng (trong trường hợp trúng thầu) gói thầu: Trang bị hệ thống thiết bị vô tuyến và dịch vụ - Chủ đầu tư: Tổng Công ty hạ tầng mạng. - Approval of bidding and contract signing (if won the bidding) for the package: Equip wireless equipments system and services - Investor: VNPT Net Corporation.
3	03/2025/NQ/ĐH ĐCĐ- CTIN	1/10/2025 1 st Oct, 2025	- Thông qua giao dịch tham dự thầu và ký hợp đồng (trong trường hợp trúng thầu) gói thầu: Trang bị hệ thống thiết bị vô tuyến và dịch vụ - Chủ đầu tư: Tổng Công ty hạ tầng mạng - Approval of bidding and contract signing (if won the bidding) for the package: Equip wireless equipments system and services - Investor: VNPT Net Corporation.

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2025)/ Board of Directors (BOD) (Year 2025)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about the members of

the Board of Directors (BOD):

STT No.	Thành viên HĐQT /BOD members	Chức vụ /Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date of becoming/ceasing to be the member of the BOD/ Independent BOD</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Ông Hoàng Anh Lộc <i>Mr. Hoang Anh Loc</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the board (COB)</i>	30/06/2022 (Tái bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2026) June 30th, 2022 <i>(Re-election of Board members for the 2022 - 2026 term)</i>	
2	Ông Hà Thanh Hải <i>Mr. Ha Thanh Hai</i>	Thành viên HĐQT <i>Board members</i>	30/06/2022 (Tái bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2026) June 30th, 2022 <i>(Re-election of Board members for the 2022 - 2026 term)</i>	
3	Ông Tô Hoài Văn <i>Mr. To Hoai Van</i>	Thành viên HĐQT <i>Board members</i>	30/06/2022 (Tái bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2026) June 30th, 2022 <i>(Re-election of Board members for the 2022 - 2026 term)</i>	
4	Ông Nguyễn Thế Thịnh <i>Mr. Nguyen The Thinh</i>	Thành viên HĐQT không điều hành <i>Non- executive Board Member</i>	30/06/2022 (Tái bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2026) June 30th, 2022 <i>(Re-election of Board members for the 2022 - 2026 term)</i>	29/04/2025 Apr 29th, 2025

STT No.	Thành viên HĐQT /BOD members	Chức vụ /Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date of becoming/ceasing to be the member of the BOD/ Independent BOD</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
5	Ông Lưu Công Nguyên <i>Mr. Luu Cong Nguyen</i>	Thành viên HĐQT độc lập <i>Independent Board Member</i>	30/06/2022 June 30 th , 2022	
6	Ông Lê Thanh Sơn <i>Mr. Le Thanh Son</i>	Thành viên HĐQT <i>Board members</i>	29/04/2025 Apr 29 th , 2025	

2. Các cuộc họp HĐQT/ Meetings of the BOD:

STT No.	Thành viên HĐQT BOD's members	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>
1	Ông Hoàng Anh Lộc <i>Mr. Hoang Anh Loc</i>	06/06	100%
2	Ông Hà Thanh Hải <i>Mr. Ha Thanh Hai</i>	06/06	100%
3	Ông Tô Hoài Văn <i>Mr. To Hoai Van</i>	06/06	100%
4	Ông Lưu Công Nguyên <i>Mr. Luu Cong Nguyen</i>	06/06	100%
5	Ông Nguyễn Thế Thịnh <i>Mr. Nguyen The Thinh</i>	03/03	100%
6	Ông Lê Thanh Sơn <i>Mr. Le Thanh Son</i>	03/03	100%

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ Supervising the Board of Management by the Board of Directors (BOD):

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát thường xuyên, chỉ đạo Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành Công ty trong điều hành sản xuất kinh doanh, triển khai các nghị quyết

của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT thực hiện đánh giá kết quả điều hành và đưa ra các chỉ đạo kịp thời khắc phục các vấn đề tồn tại, triển khai các công việc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đảm bảo tuân thủ theo các nguyên tắc quản trị, chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp.

The BOD has regularly supervised and directed the Board of Management in business operation, implementing the General Meeting of Shareholders and the BOD's decisions.

Through the periodical reporting mechanism of the Board of Management, the BOD regularly evaluates operation results and directs timely to solve matters, implements General Meeting of Shareholders and the BOD's decisions, ensuring compliance with governance principles, conduct standards and professional ethics.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ Activities of the Board of Directors' subcommittees

Trong năm 2025, Tiểu ban kiểm toán nội bộ thuộc HĐQT đã thực hiện chương trình kiểm toán dự án đầu tư Công ty đang thực hiện.

In 2025, the BOD's Internal Audit Subcommittee conducted an audit program of one investment project implemented by the company.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2025)/ Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Year 2025):

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định Resolution /Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1	01/2025/NQ/HĐ QT-CTIN	07/02/2025 7 th Feb, 2025	Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với ông Hà Thanh Hải. <i>Dismissing Mr. Ha Thanh Hai from the position of General Director and Legal representative of the Company.</i>	100%
2	02/2025/NQ/HĐ QT-CTIN	07/02/2025 7 th Feb, 2025	Bổ nhiệm ông Lê Thanh Sơn giữ chức vụ Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty. <i>Appointing Mr. Le Thanh Son to the position of General Director and Legal Representative of the Company.</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định <i>Resolution /Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
3	03/2025/NQ/HĐ QT-CTIN	07/02/2025 <i>7th Feb, 2025</i>	Thông qua việc cấp tín dụng tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội. <i>Approval of credit at Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank.</i>	100%
4	04/2025/NQ/HĐ QT-CTIN	07/03/2025 <i>7th Mar, 2025</i>	Phê duyệt chủ trương liên danh tham gia đấu thầu. <i>Approval of the joint venture to participate in the bidding proposal.</i>	100%
5	05/2025/NQ/HĐ QT-CTIN	07/03/2025 <i>7th Mar, 2025</i>	Phê duyệt chủ trương tham gia đấu thầu. <i>Approval of the proposal to participate in the bidding.</i>	100%
6	06/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	14/03/2025 <i>14th Mar, 2025</i>	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. <i>Holding the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
7	07/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	18/04/2025 <i>18th Apr, 2025</i>	Bổ sung nội dung về nhân sự Hội đồng quản trị Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. <i>Adding the content on the BOD's personnel to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
8	08/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	05/05/2025 <i>5th May, 2025</i>	Phân bổ thù lao cho HĐQT, BKS năm tài chính 2024. <i>Allocating the remuneration for the BOD and BOS for 2024 fiscal year.</i>	100%
9	09/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	13/05/2025 <i>13th May, 2025</i>	Thông qua phương án chi trả cổ túc năm 2024.	100%

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định <i>Resolution /Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Approval of 2024 dividend payment plan.</i>	
10	10/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	30/05/2025 <i>30th May, 2025</i>	Thông qua giao dịch giữa Công ty với bên có liên quan. <i>Approval of transactions between the Company and related parties.</i>	100%
11	11/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	06/06/2025 <i>6th Jun, 2025</i>	Phê duyệt hạn mức cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm <i>Approval of credit limit at Military Commercial Joint Stock Bank - Hoan Kiem Branch.</i>	100%
12	12/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	09/06/2025 <i>9th Jun, 2025</i>	Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025. <i>Approval of choosing 2025 Financial Statement Auditing Company.</i>	100%
13	13/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	02/07/2025 <i>2nd July, 2025</i>	Thông qua tổng hạn mức tín dụng năm 2025 – 2026. <i>Approval of the total credit limit for 2025-2026.</i>	100%
14	14/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	02/07/2025 <i>2nd July, 2025</i>	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2026 <i>Duties assignment for members of the Board of Directors for the term 2022 – 2026.</i>	100%
15	15/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	02/07/2025 <i>2nd July, 2025</i>	Nhân sự Tiểu ban Kiểm toán nội bộ nhiệm kỳ 2022 – 2026 <i>Personnel of the Internal Audit Subcommittee for the term 2022- 2026.</i>	100%
16	15.01/2025/NQ/ HĐQT- CTIN	02/07/2025 <i>2nd July, 2025</i>	Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025.	100%

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định <i>Resolution</i> <i>/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval</i> <i>rate</i>
			<i>Approval of 2025 internal audit plan.</i>	
17	16/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	02/07/2025 2 nd July, 2025	Nhân sự đại diện Công ty CTIN tham gia Hội đồng quản lý quỹ Tâm Tài Việt <i>Personnel representing CTIN to participate in the Tam Tai Viet Fund Management Council.</i>	100%
18	17/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	02/07/2025 2 nd July, 2025	Bổ nhiệm người đại diện vốn Công ty CTIN tại Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Việt Nam. <i>Appointing representative for CTIN's capital in Vietnam Technology & Telecommunication Joint Stock Company.</i>	100%
19	17.01/2025/NQ/ HĐQT- CTIN	06/08/2025 6 th Aug, 2025	Điều chỉnh kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025. <i>Adjusting 2025 Internal Audit Plan.</i>	100%
20	18/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	14/08/2025 14 th Aug, 2025	Thông qua giao dịch giữa Công ty với bên có liên quan. <i>Approval of transactions between the Company and related parties.</i>	100%
21	18.01/2025/NQ/ HĐQT- CTIN	15/08/2025 15 th Aug, 2025	Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hoàn Kiếm <i>Borrowing capital and using assets as collateral at the Joint stock Commercial Bank for Investment and Development of</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định <i>Resolution</i> <i>/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval</i> <i>rate</i>
			<i>Viet Nam (BIDV) - Hoan Kiem Branch.</i>	
22	19/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	09/09/2025 9 th Sept, 2025	Chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. <i>Finalize the list of shareholders to obtain shareholders' written opinions.</i>	100%
23	20/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	09/09/2025 9 th Sep, 2025	Chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. <i>Finalize the list of shareholders to obtain shareholders' written opinions.</i>	100%
24	21/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	17/09/2025, 17 th Sep, 2025	Giao dịch giữa Công ty với bên có liên quan. <i>Approval of transactions between the Company and related parties.</i>	100%
25	22/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	26/09/2025 26 th Sep, 2025	Giao dịch giữa Công ty với bên có liên quan <i>Approval of transactions between the Company and related parties.</i>	100%
26	23/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	10/10/2025 10 th Oct, 2025	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. <i>Approval of borrowing capital from Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam.</i>	100%
27	24/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	28/10/2025 28 th Oct, 2025	Giao dịch giữa Công ty với bên có liên quan. <i>Approval of transactions between the Company and related parties.</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định Resolution /Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
28	25/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	29/10/2025 29 th Oct, 2025	Thông qua vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng và đảm bảo cấp tín dụng tại VietinBank. <i>Approval of borrowing capital, guarantees, opening credit letters and credit assurance at VietinBank.</i>	100%
29	26/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	20/11/2025 20 th Nov, 2025	Giao dịch giữa Công ty với bên có liên quan. <i>Approval of transactions between the Company and related parties.</i>	100%

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2025)/ Board of Supervisors (BOS) (Year 2025):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Board of Supervisors (BOS):

STT No.	Thành viên BKS BOS Member	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date of becoming/ ceasing to be the member of the BOS/ Independent BOS</i>		Trình độ chuyên môn Qualification
			Ngày bắt đầu <i>Start date</i>	Ngày kết thúc <i>End date</i>	
1	Ông Nguyễn Đình Du <i>Mr. Nguyen Dinh Du</i>	Trưởng ban kiểm soát <i>Chairman of the BOS</i>	30/06/2022 <i>June 30th, 2022</i>		Kỹ sư Công nghệ thực phẩm. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (QTKD). <i>Bachelor of Engineering (Food Technology) Master of Business Administration (MBA).</i>
2	Ông Nguyễn Thành Hiếu <i>Mr. Nguyen</i>	Thành viên Ban kiểm soát	30/06/2022 <i>June 30th, 2022</i>		Cử nhân vật lý.

STT No.	Thành viên BKS <i>BOS Member</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date of becoming/ ceasing to be the member of the BOS/ Independent BOS</i>		Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
			Ngày bắt đầu <i>Start date</i>	Ngày kết thúc <i>End date</i>	
	<i>Thanh Hieu</i>	<i>BOS member</i>	(Tái bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2022 – 2026) <i>(Re-election of BOS members for the 2022 - 2026 term)</i>		Cử nhân Kinh tế chuyên ngành tài chính ngân hàng. <i>Bachelor of Science in Physics.</i> <i>Bachelor of Economics majoring in finance and banking.</i>
3	Bà Nguyễn Thị Thúy Hà <i>Ms. Nguyen Thi Thuy Ha</i>	Thành viên Ban kiểm soát BOS <i>BOS member</i>	30/06/2022 <i>June 30th, 2022</i> (Tái bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2022 – 2026) <i>(Re-election of BOS members for the 2022 - 2026 term)</i>		Cử nhân Tài chính kế toán. Thạc sỹ QTKD. <i>Bachelor of Finance and Accounting.</i> <i>Master of Business Administration (MBA).</i>

2. Cuộc họp của BKS/ Meetings of BOS:

STT No.	Thành viên BKS <i>BOS member</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>
1	Ông Nguyễn Đình Du <i>Mr. Nguyen Dinh Du</i>	02/02	100%	100%

STT No.	Thành viên BKS <i>BOS member</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>
2	Ông Nguyễn Thành Hiếu <i>Mr. Nguyen Thanh Hieu</i>	02/02	100%	100%
3	Bà Nguyễn Thị Thúy Hà <i>Ms. Nguyen Thi Thuy Ha</i>	02/02	100%	100%

**3. Hoạt động giám sát của BKS với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/
*Supervising BOD, Board of Management and shareholders by BOS:***

- BKS tham gia giám sát việc tổ chức, tham dự và giám sát tư cách đại biểu cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty;
- BKS thường xuyên xem xét, rà soát các báo cáo kinh doanh định kỳ, báo cáo tài chính của Công ty, nắm bắt các tồn tại, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đưa ra các kiến nghị kịp thời cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc;
- BKS định kỳ rà soát các quy định về quản lý tài chính của Công ty;
- BKS giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT và các quyết định của Ban Tổng giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo các quy định hiện hành.
- *The BOS participated in supervising the organization, attending and supervising shareholders' qualifications to attend the Company's 2025 annual general meeting of shareholders;*
- *The BOS regularly reviews and examines the Company's periodic business reports and financial statement, grasps of existing issues and difficulties in business activities and gives timely recommendations to the BOD and the Board of Management;*
- *The BOS periodically reviews the Company's financial management regulations;*
- *The BOS supervises the implementation of the General Meeting of Shareholders's decisions, the BOS's decisions and the Board of Management's decisions in business activities according to current regulations.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the BOS, the BOD, Board of Management and other managers:*

- BKS tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT, được HĐQT gửi các biên bản cuộc họp và các nghị quyết HĐQT;
- BKS được Ban Tổng giám đốc gửi báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, năm và các báo cáo kinh doanh định kỳ theo quy định chung của Công ty và thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính theo thẩm quyền quy định tại điều lệ Công ty;
- BKS thông báo cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc nội dung các cuộc họp của Ban kiểm soát và thông báo kịp thời các vướng mắc, tồn tại trong hoạt động SXKD cho Ban Tổng

giám đốc trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ.

- *The BOS attended all the BOD's meetings and received meeting minutes and BOD's decisions;*
- *The BOD sends the BOS quarterly and annual financial statement and periodic business reports according to the Company's general regulations. The BOS verifies financial statement according to the authority prescribed in the Company's charter;*
- *The BOS informs the BOD and the Board of Management the content of all BOS's meetings and promptly informs the Board of Management any difficulties and issues in business activities during the performance of the BOS's functions and duties.*

5. Hoạt động khác của BKS/ Other activities of BKS: Không có/None.

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ Members of Board of Management	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm thành viên Ban điều hành Date of appointment /Dismissal of member of the Board of Management
1	Ông Lê Thanh Sơn Chức vụ: Tổng Giám đốc Mr. Le Thanh Son Position: General Director	21/09/1972 <i>September 21st, 1972</i>	Cử nhân kinh tế phát triển <i>Bachelor of Development Economics</i>	Ngày bổ nhiệm: 07/02/2025 <i>Date of appointment: February 07th, 2025</i>
2	Ông Tô Hoài Văn Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Mr. To Hoai Van Position: Deputy General Director	23/05/1964 <i>May 23rd, 1964</i>	Thạc sỹ QTKD <i>Master of Business Administration</i>	Ngày bổ nhiệm: 30/06/2022 (Tái bổ nhiệm nhiệm kỳ 2022 – 2026) <i>Date of appointment: June 30th, 2022 (Re-appointment for 2022 – 2026 term)</i> Ngày miễn nhiệm: 01/09/2025 <i>Date of dismissal: September 1st, 2025</i>

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ Members of Board of Management	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm thành viên Ban điều hành Date of appointment /Dismissal of member of the Board of Management
3	Ông Lê Ánh Dương Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Mr. Le Anh Duong Position: Deputy General Director	20/01/1978 January 20 th , 1978	Kỹ sư Điện tử - Viễn thông Bachelor of electronics and telecommunications engineering	Ngày bổ nhiệm: 18/09/2024 Date of appointment: September 18 th , 2024
4	Ông Hà Thanh Hải Chức vụ: Tổng Giám đốc Mr. Ha Thanh Hai Position: General Director	22/12/1976 December 22 nd , 1976	Tiến sỹ QTKD PhD in Business Administration	Ngày bổ nhiệm: 30/06/2022 (Tái bổ nhiệm nhiệm kỳ 2022 – 2026) Date of appointment: June 30 th , 2022 (Re-appointment for 2022 – 2026 term) Ngày miễn nhiệm: 07/02/2025 Date of dismissal: February 7 th , 2025

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên Full name	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ Qualification	Ngày bổ nhiệm Date of appointment
Ông Nguyễn Ngọc Sơn Mr. Nguyen Ngoc Son	20/04/1972 April 20 th , 1972	Cử nhân Tài chính Tín dụng Bachelor of Credit Finance	01/07/2022 (Tái bổ nhiệm nhiệm kỳ 2022 – 2026) July 1st, 2022 (Re-appointment for 2022 - 2026 term)

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không có.

Training courses on corporate governance were involved by members of the BOD, members of the BOS, Director (General Director), other managers and the Company Secretary in accordance with regulations on corporate governance: None.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty (Năm 2025)/ The list of affiliated persons of the public company (Year 2025) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm/*Details in the attached Appendix.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/*Transactions between the Company and its affiliated persons; or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons*: Không có/*None.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transactions between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power*: Không có/*None.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of the Board of Management, the BOS, Directors (General Directors) have been founding members or members of the Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):*

- Các giao dịch này được thực hiện theo đúng quy định của điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp hiện hành.

- Mỗi quan hệ các đối tượng có giao dịch với công ty: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

- *These transactions have been carried out in accordance with the provisions of the Company's charter and current corporate law.*

- *Relationship of entities having transactions with the company: Detailed in the attached Appendix.*

Tên tổ chức <i>Name of organization</i>	Mối quan hệ với Công ty <i>Relationship with the Company</i>
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	Cổ đông lớn (31,43%), cổ đông Nhà nước <i>Major shareholder (31.43%), State shareholder</i>

Tên tổ chức <i>Name of organization</i>	Mối quan hệ với Công ty <i>Relationship with the Company</i>
<i>Vietnam Posts and Telecommunications Group (VNPT)</i>	Đại diện vốn là thành viên HĐQT của Công ty <i>The capital representative is a member of the Board of Directors of the Company</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	Là công ty nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty CTIN <i>The company that receives long-term investment from CTIN Company.</i>
	Có cùng thành viên HĐQT <i>Having the same board member</i>
Công ty Cổ phần ITTA <i>ITTA Corporation</i>	Là công ty nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty CTIN <i>The Company that receives long-term investment from CTIN Company</i>
	Có cùng thành viên HĐQT <i>Having the same board member</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông Hà Nội <i>Hanoi Telecommunication Engineering Service Join Stock Company</i>	Là công ty nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty CTIN <i>The Company that receives long-term investment from CTIN Company.</i>
	Có cùng thành viên HĐQT <i>Having the same board member</i>

- Chi tiết các giao dịch: Từ ngày 01/01/2025 - 31/12/2025
Transaction details: From Jan 1st, 2025 – Dec 31st, 2025

Đơn vị tính: đồng/Unit: VND

Bán hàng/Sell	1.312.429.052.405
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) <i>Vietnam Posts and Telecommunications Group (VNPT)</i>	1.048.585.298.263
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	261.826.295.116
Công ty Cổ phần ITTA <i>ITTA Corporation</i>	914.398.761
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông Hà Nội <i>Hanoi Telecommunication Engineering Service Join Stock Company</i>	1.103.060.265
Mua hàng/Purchase	7.748.840.186
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) <i>Vietnam Posts and Telecommunications Group (VNPT)</i>	6.363.727.632
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	963.034.576

Công ty Cổ phần ITTA <i>ITTA Corporation</i>	388.104.978
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông Hà Nội <i>Hanoi Telecommunication Engineering Service Joint Stock Company</i>	33.973.000
Cổ tức đã trả/Dividends paid	10.117.108.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) <i>Vietnam Posts and Telecommunications Group (VNPT)</i>	10.117.108.000
Cổ tức nhận được/Dividends received	2.188.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	2.000.000.000
Công ty Cổ phần ITTA <i>ITTA Joint Stock Company</i>	188.800.000

- Chi tiết hợp đồng ký kết với các bên liên quan:

Details of the contract signed with the relevant parties:

Bên liên quan <i>Stakeholders</i>	Số nghị quyết <i>Resolution number</i>	Nội dung hợp đồng <i>Contract contents</i>	Giá trị (Chưa bao gồm thuế GTGT) <i>Value</i> (VAT not included)
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	10/2025/NQ/HĐQT-CTIN ngày 30/05/2025 <i>Resolution No. 10/2025/NQ/HĐQT-CTIN dated 30th May, 2025</i>	Mua bán hàng hóa <i>Buying and selling goods</i>	321.923.368.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	18/2025/NQ/HĐQT-CTIN ngày 14/08/2025 <i>Resolution No. 18/2025/NQ/HĐQT-CTIN dated 14th Aug, 2025</i>	Mua bán hàng hóa <i>Buying and selling goods</i>	15.147.822.681
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	21/2025/NQ/HĐQT-CTIN ngày 17/09/2025 <i>Resolution No.</i>	Mua bán hàng hóa <i>Buying and selling goods</i> (Điều chỉnh giá trị	185.782.042.000

Bên liên quan <i>Stakeholders</i>	Số nghị quyết <i>Resolution number</i>	Nội dung hợp đồng <i>Contract contents</i>	Giá trị (Chưa bao gồm thuế GTGT) <i>Value</i> <i>(VAT not included)</i>
	21/2025/NQ/HĐQT-CTIN dated 17 th Sept, 2025	giao dịch tại Nghị quyết số 10/2025/NQ/HĐQT-CTIN ngày 30/05/2025. <i>Adjusting transaction value in Resolution No. 10/2025/NQ/HĐQT dated 30th May, 2025.)</i>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	22/2025/NQ/HĐQT-CTIN ngày 22/09/2025 <i>Resolution No. 22/2025/NQ/HĐQT-CTIN dated 22nd Sep, 2025</i>	Mua bán hàng hóa <i>Buying and selling goods</i>	49.369.252.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	24/2025/NQ/HĐQT-CTIN ngày 28/10/2025 <i>Resolution No. 24/2025/NQ/HĐQT-CTIN dated 28th Oct, 2025</i>	Mua bán hàng hóa <i>Buying and selling goods</i>	10.746.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	26/2025/NQ/HĐQT-CTIN ngày 20/11/2025 <i>Resolution No. 26/2025/NQ/HĐQT-CTIN dated 20th Nov, 2025</i>	Mua bán hàng hóa <i>Buying and selling goods</i>	8.613.005.200

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng

Giám đốc/ *Transactions between the Company and the companys that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO):* Không có/None.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers:* Không có/None.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2025)/ *Share transactions of internal persons and affiliated persons (Year 2025)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons:* Chi tiết tại Phụ lục đính kèm/ *Details in the attached Appendix.*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:*

STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm <i>Reasons for increasing, decreasing</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
	Lê Anh Dương <i>Mr. Le Anh Duong</i>	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	39.602	0,123%	30.002	0,093%	Bán

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues:* Không có/None.

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên;

As above;

- Lưu HĐQT.

Archived: BOD.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
*CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS***



HOÀNG ANH LỘC

PHỤ LỤC: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

APPENDIX: LIST OF INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025)

(Attached in 2025 Corporate Governance Report)

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoán giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport /Giấy ĐK-KD) Certificate (*) Type of Certificate (*) (ID card / Passport/ Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office/ address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ ending to be affiliate of person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
1	Hoàng Anh Lộc		Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board		CCCD ID card	11 4.534.148	8	9	10	11	12 14,09%	13 30/6/2022	14	15	16
L01	Hoàng Anh Thu Ms. Hoàng Anh Thu			Chị gái Older sister	CCCD ID card	124.304					0,39%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoán giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
1.02	Hoàng Kim Phương Ms. Hoang Kim Phuong			Chị gái Older sister	CCCD ID card	001157003 150					0,68%				
1.03	Đặng Anh Dũng Mr. Dang Anh Dung			Anh rể Brother in law	CCCD ID card	001055009 390					3,94%				
1.04	Nguyễn Thị Thuý Trang Ms. Nguyen			Vợ Wife	CCCD ID card	001184047 136					0,00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport/ Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khí phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)	
	Thị Thụy Trang															
1.05	Hoàng Huệ Thy Ms. Hoang Hue Thy			Con gái Daughter	CCCD ID card	001302019 734					0.00%					
1.06	Hoàng Huệ Như Ms. Hoang, Hue Nhu			Con gái Daughter	CCCD ID card	001304024 303					0.00%					

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKID) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Chú chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
1.07	Hoàng Anh Minh Mr. Hoang Anh Minh			Con trai Son	CCCD ID card	001215002 139					0,00%				
1.08	Hoàng Lệ Chi Ms. Hoang Le Chi			Chị gái Older sister	CCCD ID card	001160019 527					0,00%				
1.09	Nguyễn Hùng Sơn Mr. Nguyen			Anh rể Brother in law	CCCD ID card	036060007 320					0,00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khốn (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Certificate: (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có li n quan của công ty/ người nội t ộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (*) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)	
	Hùng Sơn															
1.10	Hoàng Anh Tuyến Mr. Hoang Anh Tuyen			Anh rể Brother in law	CCCD ID card	006064000 004					0,00%					
1.11	Ngô Vĩ Hồng Mr. Ngô Vi Hồng			Anh rể Brother in law	CCCD ID card	001057003 308					0,00%					
1.12	Hoàng Phuong Mùi Ms. Hoang			Chị gái Older sister	CCCD ID card	001159021 192					0,00%					

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 1.3 và 14) Reasons (For adjustments related to section 1.3 and 14)	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)	
	Phuong Mai															
1.13	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) Vietnam Posts and Telecom communications Group			Đại diện vốn Authorized Capital Representative	ĐKKD Business registration					10.117.108	31,43%					
1.14	Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt Việt Digital Investment Joint Stock Company			Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board	ĐKKD Business registration											
1.15	Công ty Cổ phần ITTA ITTA Corporation			Thành viên HĐQT Board of Director member	ĐKKD Business registration											

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
2	Hà Thanh Hải Mrs. Ha Thanh Hai		Thành viên HĐQT Member of BOD		CCCD ID card	3.154.306	9,8%	30/6/2022							
2.01	Lê Thị Lan Hương Mrs. Le Thi Lan Huong		Vợ Wife		CCCD ID card		0,00%								
2.02	Hà Văn Định Mr. Ha Van Dinh		Cha đẻ Father		CCCD ID card		0,00%								

SIT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**))
2.03	Lê Thị Minh Ms. Le Thị Minh			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card					0,00%					
2.04	Hà Minh Đức Mr. Ha Minh Duc			Con trai Son	CCCD ID card					0,00%					
2.05	Hà Lê Hải My			Con gái Daughter						0,00%					Còn nhỏ Children

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)	
	Vietnam Posts and Telecom municati ons Group															
2.12	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bưu điện Post and Telecom municati ons Construct ion Material Joint Stock Company			Chủ tịch HDQT Chairman of the Board	ĐKKD Business registration											
3	Lưu Công Nguyễn Mr. Lưu Công Nguyễn		Thành viên HDQT BOD Member		CCCD ID card						0.00%	30/6/2022				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with company/internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card /Passport/ Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ/ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
3.01	Vũ Thị Thu Ms. Vu Thu Thu			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card						0,00%				
3.02	Nguyễn Thanh Tâm Ms. Nguyen Thanh Tam			Vợ Wife	CCCD ID card						0,00%				
3.03	Lưu Gia Linh Ms. Lưu Gia Linh			Con gái Daughter	CCCD ID card						0,00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoán giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)	
3.04	Lưu Gia Khánh Mr. Lưu Gia Khánh			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%					
3.05	Lưu Thánh Công Mr. Lưu Thánh Công			Con trai Son							0,00%					Còn nhỏ Children
3.06	Lưu Thị Yên Ms. Lưu Thị Yên			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%					
3.07	Lưu Sỹ Quý Mr. Lưu Sỹ Quý			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%					

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
3.08	Lưu Thanh Hòa Mr. Lưu Thanh Hòa			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%				
3.09	Lưu Đức Nhuân Mr. Lưu Đức Nhuân			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%				
3.10	Lưu Thị Thìn Ms. Lưu Thị Thìn			Em gái Younger sister	CCCD ID card						0,00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)	
3.11	Phạm Ngọc Thuần Mr. Pham Ngoc Thuan			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%					
3.12	Hoàng Phương Thảo Ms. Hoang Phuong Thao			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%					
3.13	Bùi Thị Hương Giang Ms. Bui Thi Huong Giang			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%					

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (lời phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
3.14	Hoàng Thị Việt Phương Ms. Huong Thi Viet Phuong			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%				
3.15	Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt Viet Digital Investme nt Joint Stock Company			Thành viên HĐQT Board of Director member	ĐKKD Business registration										
4	Tổ Hoài Văn Mr. To Hoai Van		Thành viên HĐQT Member of BOD		CCCD ID card	534.239					1,66%	30/6/2022			Ngày miễn nhiệm chức danh PTGD: 01/09/2025 Date of dismissal Deputy General Director) September 1st, 2025.

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoán giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
4.01	Tô Linh Lan Ms. Tô Linh Lan			Em gái Younger sister	CCCD ID card	43.552				0,14%					
4.02	Tô Hạnh Trình Ms. Tô Hạnh Trình			Chi gái Older sister	CCCD ID card	43.160				0,13%					
4.03	Đình Thị Vân Anh Ms. Đình Thị Vân Anh			Vợ Wife	CCCD ID card	19.506				0,06%					

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)	
4.04	Tô Hoài Lam Mr. To Hoai Lam			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%					
4.05	Tô Nhật Duy Mr. To Nhat Duy			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%					
4.06	Raymond Laurence Mallon			Anh rể (quốc tịch Úc) Brother-in- law (Australian nationality)	Hộ chiếu Passport						0,00%					Quốc tịch Úc Australian nationality
4.07	Nguyễn Trương Chính Mr. Nguyen Truong Chinh			Em rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%					

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoán giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ ending to be person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
4.08	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội Mã Nội Telecomm unication Engineerm g Service Joint Stock Company			Thành viên HĐQT Board of Director member	ĐKKD Business registration										
4.09	Công ty Cổ phần KASAC O KASACO JOINT STOCK COMP ANY			Thành viên HĐQT Board of Director member	ĐKKD Business registration										
4.10	Công ty cổ phần KASATI Kasati Joint Stock Company			Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board	ĐKKD Business registration								24/04/2025		

STT No.	Họ tên Full name	Tại khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
5	Nguyễn Thế Thịnh Mr. Nguyễn Thế Thịnh		Thành viên HĐQT BOD member		CCCD ID card	282.232	0,88%	29/04/2025							
5.01	Lê Lưu Ngân Ms. Lê Lưu Ngân			Vợ Wife	CCCD ID card	285.000	0,89%								
5.02	Nguyễn Thị Sơn Ms. Nguyễn Thị Sơn			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card		0,00%								
5.03	Nguyễn Thị Minh Nguyễn Ms. Nguyễn Thị Minh Nguyễn			Chị ruột Older sister	CCCD ID card		0,00%								

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy BKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (if any) related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
5.04	Lê Anh Quang Mr. Le Anh Quang			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%				
5.05	Nguyễn Thị Tiên Mai Ms. Nguyen Thi Tien Mai			Em gái Younger sister	Hộ chiếu Passport						0,00%				Định cư nước ngoài Settling abroad
5.06	Hà Văn Chương Mr. Ha Van Chuong			Em rể Brother in law	Hộ chiếu Passport						0,00%				Định cư nước ngoài Settling abroad
5.07	Nguyễn Thế Long Mr. Nguyen The Long			Em trai Younger brother	CCCD ID card						0,00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persens of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ ending to be affiliated perscn of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các lưu chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)	
5.08	Nguyễn Thị Phuong Lan Ms. Nguyễn Thị Phuong Lan			Em dâu Sister in law	CCCD ID card					0,00%						
5.09	Nguyễn Hiền Thilo Ms. Nguyễn Hiền Thao			Con gái Daughter	CCCD ID card					0,00%						
5.10	Nguyễn Thế Thành Nguyễn Thế Thành			Con trai Son						0,00%						Còn nhỏ Children
5.11	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông			Đại diện vốn Authorized Capital	ĐKKD Business registration	10.117.108				31,43%			29/04/2025			

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoán giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
5.12	Việt Nam (VNPT) Vietnam Posts and Telecom municati ons Group			Đại diện Representative	ĐKKD Business registration										
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội Ha Noi Telecom municati on Engineer ing Service Joint Stock Company Nguyễn Đình Du Mr. Nguyễn Đình Du		Trưởng ban kiểm soát Head of Control Board	Thành viên HĐQT Board of Director member	CCCD ID card						0,00%	30/6/2022			

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal person ^o of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated persona of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khí phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other note) (**)	
6.01	Nguyễn Bích Thủy Ms. Nguyen Bich Thuy			Vợ Wife	CCCD ID card						0,00%					
6.02	Nguyễn Đình Thuần Mr. Nguyen Dinh Thuan			Cha đẻ Father	CCCD ID card						0,00%					
6.03	Đỗ Thị Minh Ms. Do Thi Minh			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card						0,00%					
6.04	Nguyễn Đình Thảo Mr. Nguyen Dinh Thao			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%					

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
6.05	Nguyễn Đình Hiếu Mr. Nguyen Dinh Hieu			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%				
6.06	Nguyễn Đình Phương Mr. Nguyen Dinh Phuong			Em trai Younger brother	CCCD ID card						0,00%				
6.07	Nguyễn Thị Thúy Hà Ms. Nguyen Thi Thuy Ha			Em dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%				
7	Nguyễn Thành Hiếu Mr. Nguyen Thanh Hieu		Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Giám đốc vận hành		CCCD ID card	458.942					1,13%	30/6/2022			

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khả phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các chỉ chủ khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
			kinh doanh BOS member and Business Operations Director								0,00%				
7.01	Thái Thị Hương Lan Ms. Thái Thị Hương Lan			Vợ Wife	CCCD ID card						0,00%				
7.02	Nguyễn Phương Thảo Ms. Nguyễn Phương Thảo			Con gái Daughter	CCCD ID card						0,00%				
7.03	Nguyễn Thảo My Nguyễn Thảo My			Con gái Daughter	CCCD ID card										

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ s ỷ hữu củ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Tuổi điểm không còn là người có li ờn quan của công ty/ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)	
7.04	Nguyễn Tùng Lâm Nguyễn Tùng Lâm			Con trai Son	CCCD ID card											
7.05	Nguyễn Thành Tâm Mr. Nguyễn Thành Tâm			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%					
7.06	Nguyễn Thị Minh Ms. Nguyễn Thị Minh			Chi đầu Sister in law	CCCD ID card						0,00%					

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Lý lẽ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
7.07	Nguyễn Thành Chung Mr. Nguyen Thanh Chung			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%				
7.08	Lương Thị Đào Ms. Luong Thi Dao			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%				
7.09	Nguyễn Thị Nghĩa Ms. Nguyen Thi Nghia			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%				
7.10	Lê Văn Vũ Mr. Le Van Vu			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with company/internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (nếu việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
7.11	Nguyễn Thị Tinh Ms. Nguyễn Thị Tinh			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%				
7.12	Trương Ngọc Hiếu Mr. Trương Ngọc Hiếu			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%				
8	Nguyễn Thị Thúy Hà Ms. Nguyễn Thị Thúy Hà		Thành viên Ban kiểm soát BOS member		CCCD ID card						0,00%				
8.01	Nguyễn Biên Thủy Mr. Nguyễn			Bố đẻ Father	CCCD ID card						0,00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share owner ship ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
8.02	Bien Thuy Nguyễn Thị Yên Ms. Nguyen Thi Yen			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card					0,00%					
8.03	Nguyễn Đình Tuyền Mr. Nguyen Dinh Tuyen			Chồng Husband	CCCD ID card					0,00%					
8.04	Nguyễn Đình Đức Mr. Nguyen Dinh Duc			Con trai Son	CCCD ID card					0,00%					

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
8.05	Nguyễn Đình Huy Mr. Nguyen Dinh Huy			Con trai Son	CCCD ID card						0.00%				
8.06	Nguyễn Hoàng Sâm Mr. Nguyen Hoang Sam			Em trai Younger brother	CCCD ID card						0.00%				
9	Nguyễn Ngọc Sơn Mr. Nguyen Ngoc Son		Kế toán trưởng Chief Accountant		CCCD ID card	124.090					0.39%	30/6/2022			
9.01	An Thị Loan Ms. An Thi Loan			Me đẻ Mother	CCCD ID card						0.00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phần cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (nếu việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
9.02	Trần Thị Minh Nguyệt Ms. Tran Thi Minh Nguyệt			Vợ Wife	CCCD ID card						0,00%				
9.03	Nguyễn Ngọc Lâm Mr. Nguyen Ngoc Lam			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%				
9.04	Nguyễn Ngọc Minh Ms. Nguyen Ngoc Minh			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with company/internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
9.05	Nguyễn Thị Thanh Thủy Ms. Nguyen Thi Thanh Thủy			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%				
9.06	Nguyễn Thị Phương Ms. Nguyen Thi Phuong			Em gái Younger sister	CCCD ID card						0,00%				
9.07	Phạm Đình Huyền Mr. Pham Dinh Huyen			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%				
9.08	Vũ Văn Trường Mr. Vu Van Truong			Em rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoán giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các gửi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
10	Lê Thanh Sơn Mr. Le Thanh Sơn		Thành viên HĐQT kiểm tổng Giám đốc Member of BOD and General Director		CCCD ID card	3.476.808	10,8%	30/6/2022							
10.01	Lê Đăng Mr. Le Dang			Bố đẻ Father	CCCD ID card		0,00%								
10.02	Nguyễn Thị Hà Ms. Nguyen Thi Ha			Vợ Wife	CCCD ID card		0,00%								
10.03	Lê Thục Yên Ms. Le Thuc Yen			Con gái Daughter	CCCD ID card		0,00%								

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các lời chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
10.04	Lê Nam Phương Ms. Le Nam Phuong			Con gái Daughter	CCCD ID card						0,00%				Còn nhỏ Children
10.05	Lê Thanh Thái Mr. Le Thanh Thai			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%				
10.06	Lê Thị Minh Lan Ms. Le Thi Minh Lan			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%				
10.07	Lê Thị Đào Ms. Le Thi Dao			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc thông cố số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
10.08	Lê Thanh Hải Mr. Le Thanh Hai			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%				
10.09	Nguyễn Thị Thủy Ms. Nguyen Thi Thuy			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%				
10.10	Bùi Xuân Ký Mr. Bùi Xuân Kỳ			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%				
10.11	Trần Thị Lan Anh Ms. Tran Thi Lan Anh			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
10.12	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) Vietnam Posts and Telecom munications Group			Đại diện vốn Authorized Capital Representative	ĐKKD Business registration	10.117.108				31,43%					
11	Lê Anh Dương Mr. Le Anh Dương		Phó Tổng Giám đốc Công ty Deputy General Director of the Company		CCCD ID card	43.302				0,13%	18/09/2024 Sep 18 th , 2024				
11.01	Lê Tiến Ba Mr. Le Tien Ba			Bố đẻ Father	CCCD ID card					0,00%					

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
11.02	Mai Thị Thủy Ms. Mai Thị Thu Thủy			Vợ Wife	CCCD ID card					0,00%					
11.03	Lê Khánh Chi Ms. Lê Khánh Chi			Con gái Daughter	CCCD ID card					0,00%					
11.04	Lê Khánh Ngọc Ms. Lê Khánh Ngọc			Con gái Daughter	CCCD ID card					0,00%					

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with company/internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có quan của công ty/người nội bộ Starting point to be affiliated person of the company/internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
11.05	Lê Quang Hưng Mr. Le Quang Hung			Anh ruột Older brother	CCCD ID card						0,00%				
11.06	Nguyễn Thị Hải Yến Ms. Nguyen Thi Hai Yen			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%				
12	Lê Thị Thu Thanh Ms. Le Thi Thu Thanh		Quản trị Công ty, kiêm Thư ký Công ty Corporate Administrator and Corporate Secretary		CCCD ID card	2.000					0,006%				
12.01	Lê Việt Nữ Mr. Le Viet No			Bố đẻ Father	CCCD ID card						0,00%				

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khuan (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with company/ Internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)	
12.02	Nguyễn Ngọc Hòa Ms. Nguyen Ngoc Hoa			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card						0,00%					
12.03	Nguyễn Duy Anh Nguyen Duy Anh			Con trai Son							0,00%					Còn nhỏ
12.04	Nguyễn Đức Anh Nguyen Duc Anh			Con trai Son							0,00%					Còn nhỏ
12.05	Lê Thanh Thảo Mr. Le Thanh Thao			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%					

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với c ăng ty/ người nội bộ Relationship p with ccpany/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person of the company/ Internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (For adjustments related to section 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (regarding the absence of the NSH Certificate and other notes) (**)
12.06	Vũ Thị Ánh Tuyết Ms. Vũ Thị Ánh Tuyết			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%				
12.07	Lê Hồ Tùng Mr. Lê Ho Tung			Em trai Younger brother	CCCD ID card						0,00%				